

Vận dụng tư tưởng Nhân, Lễ trong *Luận ngữ* của Khổng Tử vào việc giáo dục đạo đức cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Biện Thị Hương Giang^(*)

Tóm tắt: *Luận ngữ* là một trong những tác phẩm chính của Nho giáo. Nội dung của tác phẩm bao quát nhiều bình diện khác nhau của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực đạo đức, trong đó phạm trù “Nhân” và “Lễ” là những phạm trù trung tâm của tác phẩm. Việc kế thừa và vận dụng những yếu tố tích cực trong các phạm trù trên để giáo dục đạo đức cho sinh viên cũng có những giá trị nhất định, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Khổng Tử, *Luận ngữ*, Đạo đức, Nhân, Lễ, Giáo dục đạo đức, Sinh viên

1. *Luận ngữ* là một trong bốn cuốn của bộ Tứ Thư (*Luận ngữ*, *Đại học*, *Mạnh tử* và *Trung Dung*). Đây là những lời dạy cũng như hành vi của Khổng Tử và một số môn đệ khác của ông được các học trò ghi chép lại vào cuối thời Xuân Thu và kết thúc vào sơ kỳ Chiến quốc. Nội dung của tác phẩm bao quát bình diện tương đối rộng lớn về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, đạo đức, giáo dục. Sách này gồm 20 thiên (20 chương chia đều trong 10 quyển), mỗi thiên đều lấy chữ xuất hiện đầu thiên làm tựa đề đặt tên cho thiên đó.

Trong *Luận ngữ*, “Nhân” là một trong những phạm trù trung tâm đã làm nên một hệ thống triết lý tương đối

hoàn chỉnh. Chỉ riêng trong *Luận ngữ*, Khổng Tử đã có 58 chỗ đề cập đến quan niệm về “nhân” với 109 lần dùng chữ “nhân” (Theo: Hà Thúc Minh, 1996, tr.23). Có thể nói, học thuyết nhân là một cống hiến to lớn của Khổng Tử. Ông coi “nhân ái”, đạo đức là một sức mạnh - điều mà xã hội phương Tây lúc bấy giờ chưa hề nghĩ đến.

“Nhân” là một nguyên tắc đạo đức trong triết học Khổng Tử. “Nhân” được ông coi là bản tính của con người và thông qua “Lễ”, “Nghĩa”, quy định quan hệ giữa người với người từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Tử Hạ - một học trò của Khổng Tử đã nói: “Học rộng mà giữ vững chí hướng, hỏi điều thiết thực mà nghĩ đến điều gần (tức việc thực hành những điều thiết thực), đạo Nhân ở trong đó” (Xem: Nguyễn Hiến Lê, 1995, tr.197).

^(*) NCS. Khoa Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Email: tungnguyensongnhi@gmail.com

“Nhân” cũng có thể hiểu là “Trung thứ” tức là đạo đức đối với người nhưng cũng là đạo đức đối với mình, “Trung” ở đây là làm hết sức mình, còn “Thứ” là suy từ lòng mình mà biết lòng người, mình không muốn điều gì thì người khác cũng không muốn điều đó. “Trung thứ” là sống đúng với mình và mang cái đó ứng điều “Nhân”, Khổng Tử cho rằng “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”, những cái gì mà mình không muốn thì đừng đem thi hành cho người khác - đó là đức hạnh của người nhân. Còn khi Phàn Trì hỏi về “Nhân”, Khổng Tử giảng giải rằng, “Khi ở nhà thì giữ diện mạo cho khiêm cung, khi làm việc một cách kính cẩn, khi giao thiệp với người thì giữ đức trung thành. Dẫu có đi đến các nước rợ Di, Địch, cũng chẳng bỏ qua ba cái đó, như vậy là người có đức nhân” (Nguyễn Hiến Lê, 2003, tr.469).

Khi Tử Trương đứng về phương diện trị dân, hỏi về đạo Nhân, Khổng Tử đáp: Làm được năm đức này trong thiên hạ thì gọi là nhân: “Cung, khoan, tín, mẫn, huệ”. Ông nói: “Cung kính thì không bị khinh nhờn, khoan hậu thì được lòng người, thành tín thì được người ta tín nhiệm, cần mẫn thì thành công, từ huệ thì sử dụng được người” (Nguyễn Hiến Lê, 1995, tr.158) (Nếu mình cung kính thì chẳng ai dám khinh mình, nếu mình có lòng rộng lượng thì thu được lòng người, nếu mình có đức tính thật thì người ta tin cậy mình, nếu mình cần mẫn, siêng năng thì làm được công việc hữu ích, nếu mình thi ân, tố đức, gia huệ thì mình sai khiến được người).

Không chỉ thế, người nhân, theo Khổng Tử, còn là người mà “Trước hết phải làm điều khéo, rồi sau mới thu hoạch kết quả” và “Người cứng cỏi, can đảm, kiên tâm, quyết chí, chất phác,

thật thà, ít nói thì gần với nhân”. Với Khổng Tử, “chỉ có người nhân mới có được cuộc sống an vui, lâu dài với lòng nhân của mình và dẫu có ở vào hoàn cảnh nào cũng có thể yên ổn, thanh thản”. Do vậy, theo ông, bậc quân tử không bao giờ lìa bỏ điều nhân, dẫu trong một bữa ăn: Người quân tử không bao giờ ở sai điều nhân, dẫu trong lúc vội vàng, khi ngã nghiêng cũng vẫn chỉ theo điều nhân.

Để trở thành người Nhân không phải dễ. Riêng Khổng Tử, ông đã hai lần không tự nhận mình là người Nhân. Ông nói: Làm được bậc thánh với nhân thì ta đâu dám.

Dù trong *Luận ngữ* có nhiều quan niệm khác nhau về “Nhân”, tùy thuộc vào các văn cảnh khác nhau để hiểu, song có thể thấy điểm chung nhất của “Nhân” là “yêu người” (Lê Phục Thiện, 1992, tr.194). Đây là tư tưởng nổi bật nhất. Nhân là phải “yêu người” nhưng người nhân cũng phải biết “ghét người”. Theo Khổng Tử: lại phải sáng suốt mới biết yêu người đáng yêu, ghét người đáng ghét, đề bạt người chính trực, bỏ người cong queo. Bởi thế, ông nói: “Duy có bậc nhân mới thương người và ghét người một cách chính đáng mà thôi” (Nguyễn Hiến Lê, 1995, tr.197).

Coi “Nhân” là “yêu người”, trong *Luận ngữ*, Khổng Tử đã dành không ít lời để nói về đạo làm người, ông nói: sửa mình theo lễ là nhân. Ngày nào cũng khắc kỷ phục lễ, ngày đó mọi người trong thiên hạ tự nhiên cảm hóa mà theo về đức nhân. Vậy nhân là do mình, chớ há do người sao? Trong quan niệm của Khổng Tử “Nhân” không chỉ là yêu người, lòng thương người mà còn là đức hoàn thiện của con người và do vậy,

“Nhân” chính là đạo làm người sống với mình và sống với người.

2. Cùng với “Nhân”, “Lễ” cũng là một trong những phạm trù trung tâm của tác phẩm *Luận ngữ*. Trong tác phẩm này, Lễ được Khổng Tử đề cập chủ yếu từ hai khía cạnh. *Thứ nhất*, Lễ là tiêu chuẩn đạo đức của con người trong xã hội; *thứ hai*, Lễ là nguyên tắc hoạt động của nhà nước.

Ở *khía cạnh thứ nhất*, “Lễ” là tiêu chuẩn đạo đức của con người trong xã hội, Khổng Tử đã cụ thể hóa nội dung của Lễ đối với việc hoàn thiện nhân cách cá nhân. Thời đại Khổng Tử là thời mà theo ông “lễ nhạc hư hỏng”: vua không giữ đúng đạo vua, tôi không làm đúng đạo tôi, cha không giữ đúng đạo cha, con không làm đúng đạo con cho nên thiên hạ “vô đạo” và “thiên hạ đại loạn”. Trong bối cảnh đó, để đất nước thái bình, thịnh trị trước hết cần phải khôi phục lại Lễ. Lễ trước đây chỉ là hình thức cúng tế, nhưng sau đó đã được Khổng Tử sử dụng như là một chức năng của đạo đức - chức năng điều chỉnh hành vi con người, giữ gìn trật tự xã hội.

Khổng Tử cho rằng: dựa vào lễ mà hình thành đức nhân. Điều đầu tiên mỗi người cần phải làm là tu dưỡng, rèn luyện bản thân, làm những điều đúng và phù hợp với chuẩn mực xã hội, có ý thức tự giác rèn luyện và giúp đỡ người khác cùng tiến bộ. Từng con người phải “gạt bỏ dục vọng”, “trái lễ không nhìn, trái lễ không nghe, trái lễ không nói, trái lễ không làm” (Lê Phục Thiện, 1992, tr.399).

Ông chỉ ra rằng: con cái phải có trách nhiệm với cha mẹ, hết lòng thành kính, yêu thương, hiếu thảo và phải biết quan tâm tới cha mẹ. Khi cha mẹ còn

sống thì phải phụng dưỡng: mùa đông làm cho ấm, mùa hè làm cho mát, sớm tối viếng thăm, không tranh giành, làm việc xấu để làm buồn lòng cha mẹ. Khi cha mẹ mạnh khỏe hãy thường xuyên chăm sóc, động viên, khi cha mẹ ốm thì phải hiếu tâm trạng, động viên cha mẹ sớm hồi phục, làm chỗ dựa vững chắc cho cha mẹ.

Khổng Tử nói: “ngày nay người ta gọi mưa nắng săn sóc cha mẹ là thờ cha mẹ, nhưng đối với chó và ngựa người ta cũng phải nuôi nấng chăm sóc nó. Nếu như đối với cha mẹ mà không kính thì sự săn sóc đối với cha mẹ có khác gì đối với việc săn sóc, nuôi nấng chó ngựa” (Theo: Nguyễn Hữu Vui, 2007, tr.30). Đây chính là Lễ của đạo hữu, khi cha mẹ sai thì con không nên chỉ trích, trách móc, phàn nàn. Khổng Tử nói: phụng dưỡng cha mẹ phải khuyên giải, can ngăn, nếu cha mẹ không chịu nghe thì phải cung kính không được trái với ý nguyện của cha mẹ, đừng để cha mẹ bận tâm gây nên oán hận.

Trong mối quan hệ với bạn bè, Lễ chính là sự giao tiếp thẳng thắn với nhau, không nên để trong lòng. Bạn bè thành thật thì dễ tiến tới đức thành. Nếu kết bạn thì phải biết người hay kẻ dở, có như vậy thì mới có thể giao kết được với nhau để làm điều lành, điều phải, thực hiện nhân, lễ. Tuy nhiên, ông cũng đã chỉ ra rằng để có được bạn bè tốt thì bản thân mình phải là người ngay thẳng, thật thà, không có tính vụ lợi, “phải gạt bỏ dục vọng”, có nguyện vọng chính đáng khi kết bạn. Khổng Tử nói: người có đạo đức không bao giờ bị cô lập, nhất định có bạn bè gần gũi thân thiết.

Ở *khía cạnh thứ hai*, Lễ được coi là nguyên tắc hoạt động của nhà nước. Lễ có tác dụng định ra phải, trái, đúng, sai, trên, dưới, cái gì nên làm và cái gì cần

tránh. Khi vua Cảnh Công nước Tề hỏi Khổng Tử về cách trị nước sao cho hợp lễ, ông đáp: Phải làm sao cho mỗi người đều làm tròn chức vụ của mình, vua ở hết phận vua, tôi ở hết phận tôi, cha ở hết phận cha, con ở hết phận con (Xem thêm: Đoàn Trung Còn, 1950, tr.189). Ông cho rằng, bề trên cũng phải tuân theo Lễ, bề dưới cũng phải tuân theo Lễ, nếu làm được như vậy thì xã hội mới có tôn ti, trật tự. Theo Khổng Tử: muốn trị dân, nhà cầm quyền phải dùng lễ tiết, thì chẳng những dân biết hổ người, họ lại còn cảm hóa mà trở nên tốt lành (Xem thêm: Đoàn Trung Còn, 1950, tr.15).

Sở dĩ ở thời đại Khổng Tử thiên hạ “vô đạo” và “đại loạn” là do vua không giữ đúng đạo vua, tôi không làm đúng đạo tôi. Nếu mọi người trên - dưới thực hiện theo lễ thì xã hội sẽ không còn loạn nữa.

Khổng Tử quan niệm, xã hội muốn ổn định thì con người không nên đấu tranh, phải kịch liệt phản đối đấu tranh. Để xoa dịu và điều hòa mâu thuẫn, ông tuyên truyền “an bản nhi lạc” (nghèo mà vui) và chủ trương “tác dụng của Lễ” là lấy hòa làm quý “Lễ chi dụng hòa vi quý”. Một mặt, ông khuyên người dưới hãy an phận không oán trách (bản nhi vô oán). Mặt khác, ông cũng yêu cầu người trên phải tôn trọng người dưới: bước ra của lúc nào cũng phải chỉnh tề như gặp người khách quý; sai khiến dân một việc gì cũng phải cẩn trọng.

Tóm lại, Lễ là đạo lý, là nguyên tắc hành động và chính trị, qua đó nhằm duy trì, phân rõ trật tự từ trong gia đình đến ngoài xã hội, quốc gia. Lễ đi vào tất cả mọi nề nếp của xã hội, tạo nên nếp sống của con người, trở thành tiêu chuẩn đánh giá hành vi của con người trong xã hội.

3. Trong quan niệm của Khổng Tử, “Nhân” và “Lễ” kết hợp chặt chẽ với nhau, thâm nhập vào nhau. Trong mối quan hệ này, Nhân là gốc, là nền tảng, là cốt lõi, là căn bản nhất trong đạo đức của con người; nếu trong *Luận ngữ*, Nhân chứa đựng nội dung cơ bản xuyên suốt, thì Lễ được xem là khuôn mẫu, là chuẩn mực, là hình thức biểu hiện mối quan hệ giữa người với người, trong từng trường hợp cụ thể giữa Nhân với Lễ.

Nói cách khác, quan hệ giữa Nhân và Lễ là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Nhân là nội dung, Lễ là hình thức mà nội dung và hình thức thì luôn gắn bó chặt chẽ với nhau trong một thể thống nhất. Không có hình thức nào tồn tại thuần túy không chứa nội dung, ngược lại cũng không có một nội dung nào lại không tồn tại trong một hình thức xác định. Nội dung bao giờ cũng được xác định thông qua hình thức thể hiện.

Nội dung và hình thức tồn tại trong một thể thống nhất, nhưng không vì thế mà nội dung bao giờ cũng biểu hiện ra bằng một hình thức nhất định, và một hình thức chỉ chứa đựng một nội dung nhất định, mà một nội dung trong quá trình phát triển có thể có nhiều hình thức thể hiện, ngược lại một hình thức có thể biểu hiện nhiều nội dung khác nhau. Ở đây, Nhân xác định Lễ, Nhân là nội dung, là gốc, Lễ là hình thức, là ngọn. Lễ là điều kiện, quy định, ràng buộc Nhân, thoát ra khỏi quy định của Lễ thì không thể trở thành người nhân được. Cho nên Lễ không chỉ là hình thức biểu hiện của Nhân, mà Lễ còn là khuôn phép, là cơ sở của Nhân.

Chính quá trình tác động qua lại giữa nội dung và hình thức, làm cho Nhân và Lễ bổ sung cho nhau, tác động qua lại, thống nhất lẫn nhau và được

thể hiện xuyên suốt trong tác phẩm *Luận ngữ*, làm cho phạm trù Nhân, Lễ luôn luôn vận động phát triển. Trong đó, nội dung quyết định hình thức, nội dung nào hình thức ấy, song hình thức cũng tác động ngược trở lại nội dung, có thể làm cho nội dung phát triển phong phú nếu nội dung phù hợp với hình thức; hay làm nghèo nàn đi, khô cứng đi nếu như hình thức không phù hợp với nội dung. Cho nên qua hình thức chúng ta có thể hiểu được nội dung, qua Lễ chúng ta có thể hiểu được Nhân. Chẳng hạn, qua cách thi hành lễ của con người, ta có thể hiểu được người đó có Nhân hay không. Người không biết Lễ, không có ý thức giữ Lễ, không hành lễ đúng mực thì không thể là người nhân được.

4. Kể từ khi *Luận ngữ* xuất hiện đến nay, lịch sử xã hội loài người đã trải qua biết bao biến cố thăng trầm, giống như số phận của tác phẩm *Luận ngữ*. Đã có lúc người ta hết lời ca ngợi Khổng Tử và học thuyết của ông, cũng có lúc người ta đòi đốt sách của các nhà Nho, nhưng sự thật vẫn là sự thật, lịch sử bao giờ cũng công bằng. Nếu gạt bỏ những hạn chế, chúng ta vẫn có thể tìm thấy trong Nho giáo nói chung, *Luận ngữ* nói riêng những tư tưởng, quan niệm ít nhiều vẫn còn có giá trị nhất định trong thời đại ngày nay. Tại *Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất về công tác huấn luyện và học tập* (ngày 6/5/1950), Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng, song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học. Do đó, vận dụng những giá trị trong tư tưởng Nhân, Lễ trong tác phẩm *Luận ngữ* của Khổng Tử vào giáo dục đạo đức cho sinh viên Việt Nam hiện nay là hoàn toàn có thể.

Thực tế hiện nay cho thấy, bên cạnh đại bộ phận sinh viên Việt Nam sống có lý tưởng, ước mơ, hoài bão lớn lao; hiểu biết sâu sắc về giá trị đạo đức, văn hóa, tình nguyện vì cộng đồng, *thi đua học tập - sáng tạo - tình nguyện - hội nhập* vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thì vẫn còn một bộ phận sinh viên “thờ ơ về chính trị, sống thực dụng, chạy theo những trào lưu, xu hướng lệch lạc, mắc vào các tệ nạn xã hội, thậm chí vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, không ít sinh viên chưa xác định rõ mục tiêu, động cơ học tập đúng đắn, dẫn đến thiếu ý chí phấn đấu, rèn luyện, kỹ năng mềm chưa tốt, ảnh hưởng đến năng lực làm việc khi ra trường” (Xem thêm: *Hội Sinh viên Việt Nam*, 2013, tr.4).

Để có được những nhân cách sinh viên phát triển một cách toàn diện; để giáo dục, đào tạo phát triển theo hướng cân đối giữa “dạy người, dạy chữ, dạy nghề”, trong đó, dạy người là mục tiêu cao nhất, đòi hỏi chúng ta phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho sinh viên, trong đó kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại là một trong những nội dung không thể thiếu. F. Engels từng viết rằng “một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận... nhưng tư duy lý luận chỉ là một đặc tính bẩm sinh dưới dạng năng lực của con người ta mà thôi. Nhưng năng lực ấy cần được phát triển hoàn thiện, và muốn hoàn thiện nó thì cho tới nay, không có một cách nào khác hơn là nghiên cứu toàn bộ triết học thời trước” (Xem thêm: *C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập*, 1995, tập 20, tr.487).

Nội dung cốt lõi trong tư tưởng “Nhân” của Khổng Tử được ông đề cập đến trong *Luận ngữ* là thương yêu con người, hết lòng với người - ái nhân; là *trung, thứ*, là đạo đối với người nhưng đồng thời cũng là đạo đối với mình. Vận dụng tư tưởng này đòi hỏi chúng ta phải giáo dục cho sinh viên tình yêu thương con người, yêu quý bạn bè, kính trọng cha mẹ, kính trọng thầy cô.

Những năm gần đây, không ít sinh viên thiếu đi chữ “Nhân” nên có nhiều hành vi vi phạm đạo đức thậm chí vi phạm nghiêm trọng pháp luật (Xem: “Một nữ sinh bị giết hại”, Công an nhân dân, 2006; <http://giadinh.net.vn/phap-luat/vu-thi-kim-anh...>; <http://dantri.com.vn/phap-luat/nu-sinh-vien-bi-ban-trai...>). Do thiếu đức “nhân”, thiếu tôn trọng tính mạng của người khác mà có sinh viên đã hãm hại cả thầy giáo, bạn bè và cả người thân của mình (Xem: <http://dantri.com.vn/phap-luat/giang-vien-bi-sinh-vien...>; <http://dantri.com.vn/phap-luat/dam-ban-gai-tu-vong...>). Không chỉ thiếu “Nhân”, không ít sinh viên ngày nay còn thiếu cả “Lễ” trong cách ứng xử với mọi người. Nếu Khổng Tử từng khuyên học trò: *trái lễ không nhìn, trái lễ không nghe, trái lễ không nói, trái lễ không làm*, thì ngày nay không ít sinh viên đã đi ngược lại lời khuyên ấy (Xem: Ngọc Hà, 2013). Hành vi của những sinh viên này làm sao có thể gọi là “biết lễ” - tức là biết tiết chế hành vi cho thích hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; hành vi đó hoàn toàn trái với đạo lý của Nho giáo cũng như đạo lý “tôn sư, trọng đạo” truyền thống của dân tộc, vi phạm tôn ti, trật tự cũng như chức năng điều chỉnh hành vi của “Lễ”.

Những trường hợp trên có thể không phổ biến, nhưng cũng đủ cho chúng ta thấy rằng, hiện đang có một bộ phận

không nhỏ sinh viên vừa thiếu “Nhân”, vừa không có “Lễ” trong quan hệ với gia đình, với xã hội. Thực tế này là “rất đáng lo ngại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.169).

Để góp phần khắc phục tình trạng trên; để có được các thế hệ sinh viên phát triển một cách toàn diện cả về tri thức, năng lực (năng lực thích ứng với xã hội của con người, là hiệu suất, hiệu quả trong một lĩnh vực hoạt động nào đó của họ - năng lực này còn được gọi là “tài”) lẫn đạo đức; để thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đại học đã được Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng đề ra là tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, *phát triển phẩm chất* (người trích nhấn mạnh) và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học, v.v... thì một trong những giải pháp quan trọng, cấp bách trước mắt là “nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức lối sống... ý thức trách nhiệm xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.216). Có như vậy chúng ta mới có được các thế hệ sinh viên vừa “hồng”, vừa “chuyên” đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước một cách bền vững □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đoàn Trung Còn (1950), *Tứ thư - Luận ngữ*, Nxb. Trí đức tông thư.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập* (1995), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Ngọc Hà (2013), *Đuổi học vinh viễn sinh viên đánh thầy cướp của*, <http://tuoitre.vn/tin/phap-luat/20130604/duoi-hoc-vinh-vien-sinh-vien-danh-thay-cuop-cua/552054.html>.
5. Hội Sinh viên Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2013-2018*, tháng 12/2013, Hà Nội.
6. Nguyễn Hiến Lê (1995), *Khổng Tử*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
7. Nguyễn Hiến Lê (2005), *Khổng Tử và Luận ngữ*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
8. Hà Thúc Minh (1996), *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Lê Phục Thiện (1992), *Luận ngữ*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Vui (2007), *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. “Một nữ sinh bị giết hại”, *Báo Công an nhân dân*, ngày 01/9/2006.
12. <http://dantri.com.vn/phap-luat/dam-ban-gai-tu-vong-roi-nhay-lau-ktx-tu-tu-1392861267.htm>, ngày 14/2/2014.
13. <http://dantri.com.vn/phap-luat/giang-vien-bi-sinh-vien-dam-ngay-tai-nha-1388105250.htm>, ngày 21/12/2013.
14. <http://giadinh.net.vn/phap-luat/vu-thi-kim-anh-va-nhung-noi-dau-20090222104010630.htm>, ngày 22/2/2009.
15. <http://dantri.com.vn/phap-luat/nu-sinh-vien-bi-ban-trai-cat-co-1348028128.htm>, ngày 14/9/2012.

(tiếp theo trang 35)

6. Ministry of Education (1966), *Progress in Education in Singapore, 1959 to 1965*.
7. *Minister for Education's Message to Students on Mr. Lee Kuan Yew (1923 - 2015)*, <http://www.moe.gov.sg/media/speeches/2015/03/24/minister-for-educations-message-to-students-on-mr-lee-kuan-yew.php> [truy cập ngày 23/7, 2015].
8. Tan K. Y (1995), *Economic development and the state, lesson from Singapore, in Fitzgerald, The State and Economic Development*, Frank Cass, London.
9. <http://populationpyramid.net/singapore/1960/>, truy cập ngày 28/6/2014.